TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 501/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 544/2026/TLST-HN ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: C Lô C, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Chung Lê T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: 3 T, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Chung Lê Thăng .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông C Lê Thăng thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 64 ngày 11/6/2018 tại U, Quận D (nay là Phường V), Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Chung Lê T1 cùng xác

nhận ông, bà có 02 (hai) con chung là trẻ Chung Xuân D, sinh ngày 21/4/2018 và trẻ Nguyễn Ngọc Bảo D1, sinh ngày 07/7/2023. Sau khi ly hôn giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Chung Lê T1 cùng xác nhận ông, bà không tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hòa giải thành hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0035520 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Ngọc T được hoàn lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân KV 1 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TAND KHU VỰC 1

NMU220726.TL.QDBA
22775

Đỗ Thị Bích Phượng